



BÁO CÁO ĐỒ ÁN – GIAI ĐOẠN 2

HỆ THỐNG QUẢN LÝ KHÁCH SẠN

Môn học: Phân tích Thiết kế Hệ thống thông tin

GVHD: Lê Nguyễn Hoài Nam

GVHD: Tiết Gia Hồng

THÔNG TIN NHÓM

| Mã nhóm | MSSV | Họ và tên | Đóng góp | Ghi chú |
|------------------|----------|------------------|----------|---------|
| 20_1 3 | 20120049 | Nguyễn Hải Đăng | 20% | |
| | 20120138 | Lê Thành Nam | 20% | |
| | 20120217 | Lê Minh Trí | 20% | |
| | 20120269 | Võ Văn Minh Đoàn | 20% | |
| | 20120289 | Võ Minh Hiếu | 20% | |

BẢNG PHÂN CÔNG

| STT | SV thực hiện | Công việc | Mức độ hoàn thành |
|-----|------------------------------|---|-------------------|
| 1 | Nguyễn Hải Đăng 20120049 | Đặc tả Use-case hệ thống: Tra cứu thông tin đặt phòng, Tra cứu danh sách phòng, cập nhật trạng thái phòng, Tra cứu vụ, lập phiếu đăng ký sử dụng dịch vụ. | 100% |
| 2 | Lê Thành Nam 20120138 | Đặc tả Use-case hệ thống: Lập phiếu đăng ký check-in, tra cứu chương trình khuyến mãi, lập phiếu đăng ký tour du lịch, Tra cứu danh sách đặt lịch vụ | 100% |
| 3 | Lê Minh Trí 20120217 | Vẽ mô hình Use-case hệ thống cho toàn bộ hệ thống. | 100% |
| 4 | Võ Văn Minh Đoàn 20120269 | Đặc tả Use-case hệ thống: Tra cứu danh sách yêu cầu đặt phòng, tra cứu danh sách khách hàng, lập đơn đặt phòng, tra cứu danh sách đặt phòng, tra cứu quy định khách sạn | 100% |
| 5 | Võ Minh Hiếu 20120289 | Đặc tả Use-case hệ thống: Xem phiếu thanh toán, tra cứu danh sách taxi, lập phiếu thanh toán, lập phiếu check-out, đánh giá dịch vụ | 100% |

MỤC LỤC

| | |
|---|---|
| THÔNG TIN NHÓM | 1 |
| 1 MÔ HÌNH HOÁ NGHIỆP VỤ (Giai đoạn 1)..... | 4 |
| 1.1 Mô hình Use-Case nghiệp vụ (Giai đoạn 1)..... | 4 |
| 1.2 Mô hình hóa nghiệp vụ (Giai đoạn 1)..... | 4 |
| 1.2.1 Xác định thừa tác viên (business worker) và thực thể nghiệp vụ (business entity) (Giai đoạn 1)..... | 4 |
| 1.2.2 Mô hình hóa thành phần động (Giai đoạn 1)..... | 4 |
| 1.3 Sơ đồ lớp mức phân tích (Giai đoạn 1) | 4 |
| 1.4 Mô hình Use-case xác định các yêu cầu tự động hoá | 5 |

1 MÔ HÌNH HOÁ NGHIỆP VỤ (Giai đoạn 1)

1.1 Mô hình Use-Case nghiệp vụ (Giai đoạn 1)

1.2 Mô hình hóa nghiệp vụ (Giai đoạn 1)

1.2.1 Xác định thừa tác viên (business worker) và thực thể nghiệp vụ (business entity) (Giai đoạn 1)

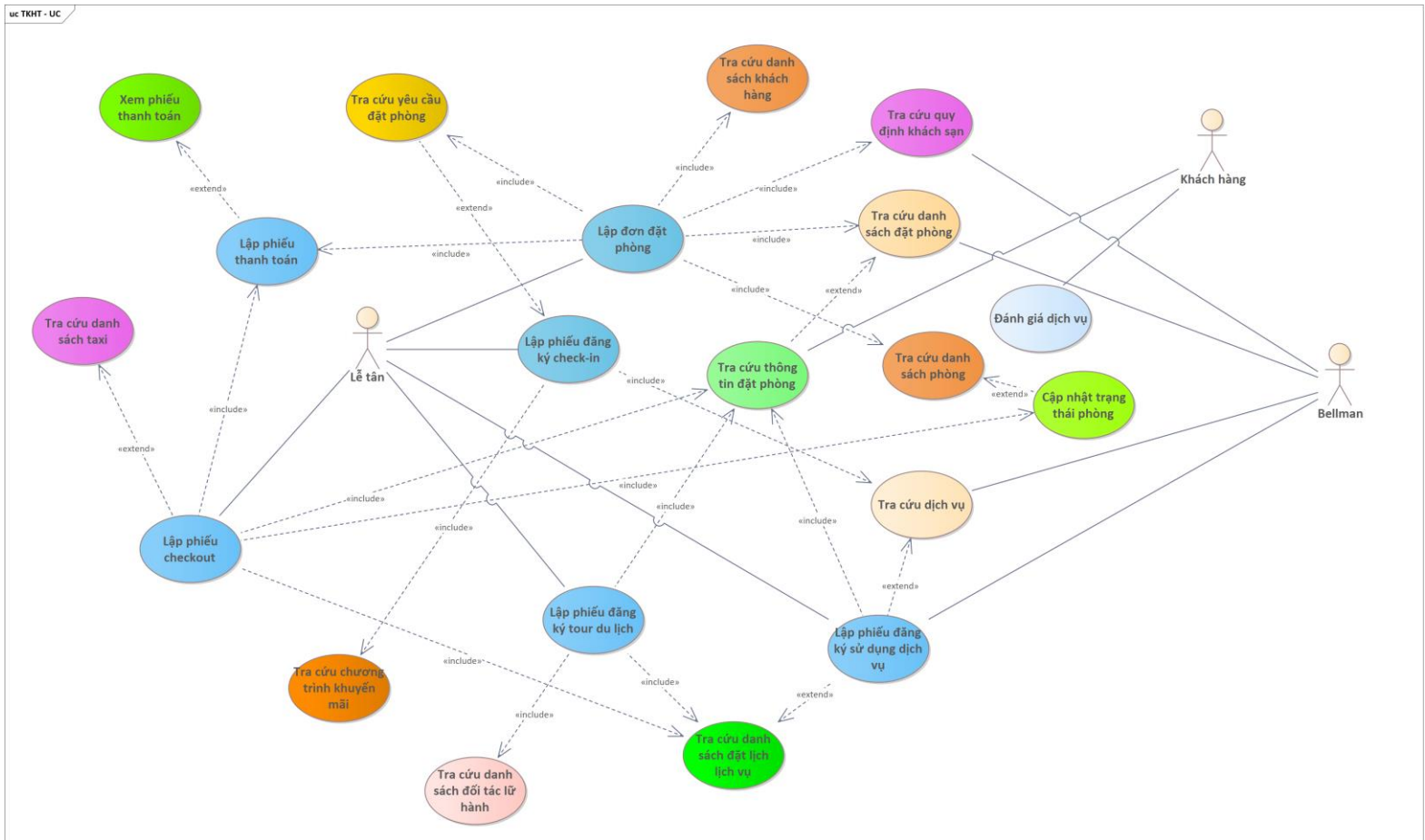
1.2.2 Mô hình hóa thành phần động (Giai đoạn 1)

1.3 Sơ đồ lớp mức phân tích (Giai đoạn 1)

Sơ đồ lớp phân tích (thể hiện các đối tượng dữ liệu) cho cả hệ thống

1.4 Mô hình Use-case xác định các yêu cầu tự động hoá

Mô hình Use case nhằm thể hiện các chức năng chính mà hệ thống hỗ trợ tự động.



Đặc tả cho TỪNG UC hệ thống bằng template

Đặc tả user case hệ thống

| Tên Use-Case | Tra cứu thông tin đặt phòng |
|--------------------|--|
| Mô tả | Use-case cho phép người dùng tra cứu thông tin đặt phòng mã khách hàng đã đặt |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng nhấn vào nút “tra cứu” trong màn hình hệ thống. |
| Actor | Khách hàng. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Hệ thống hiển thị danh sách những thông tin đặt phòng mà người dùng đã đặt. |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng chọn “Tra cứu thông tin đặt phòng” 2. Hệ thống hiển thị danh sách đặt phòng của khách hàng. |

| | |
|------------------|---|
| | 3. Người dùng nhập các thông tin của khách hàng muốn tìm (Mã đặt phòng, tên phòng, ngày đặt). 4. Người dùng chọn “Tìm kiếm”. 5. Hệ thống lọc ra những khách hàng thoả điều kiện tìm kiếm. |
| Dòng sự kiện phụ | A4: Tại bước 4: - Nếu như người dùng nhập thông tin không hợp lệ thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Thông tin không hợp lệ” - Quay lại bước 3. A5: Tại bước 5 - Nếu người dùng tra cứu thông tin nhưng không tồn tại dòng thông tin phù hợp thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Không có thông tin đặt phòng thỏa mãn” |

| Tên Use-Case | Tra cứu danh sách phòng |
|--------------------|---|
| Mô tả | Use-case cho phép người dùng tra cứu thông tin phòng khách sạn. |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng nhấn vào nút “tra cứu danh sách phòng” trong màn hình hệ thống. |
| Actor | Lễ tân. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Hệ thống hiển thị danh sách phòng của khách sạn. |
| Use-case liên quan | Extend: Cập nhật trạng thái phòng |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn “Tra cứu danh sách phòng”. 2. Hệ thống hiển thị danh sách phòng của khách sạn. 3. Người dùng có thể nhập mã phòng, loại phòng, ... để tìm kiếm phòng cụ thể. 4. Người dùng chọn “Tìm kiếm”. 5. Hệ thống lọc ra những phòng thoả điều kiện tìm kiếm. |
| Dòng sự kiện phụ | A4: Tại bước 4: - Nếu như người dùng nhập thông tin không hợp lệ thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Thông tin không hợp lệ” - Quay lại bước 2. A5: Tại bước 5: - Nếu người dùng tra cứu danh sách phòng nhưng không tồn tại dòng thông tin phù hợp thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Không có phòng thỏa mãn”. |

| Tên Use-Case | Cập nhật trạng thái phòng |
|--------------|--|
| Mô tả | Use-case cho phép người dùng tra cứu thông tin phòng khách |

| | |
|--------------------|--|
| | sạn. |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng nhấn button “lập phiếu check-out” trên màn hình hệ thống. |
| Actor | Lễ tân. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Trạng thái phòng khách sạn được cập nhật |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng nhập mã đặt phòng hay phòng mà khách hàng check-out. 2. Người dùng nhấn button “Cập nhật” trên hệ thống. 3. Hệ thống sẽ cập nhật trạng thái phòng từ “đã có” sang “chưa có người đặt”. 4. Hệ thống hiển thị thông báo “cập nhật trạng thái phòng thành công”. |
| Dòng sự kiện phụ | A2: Tại bước 2: <ul style="list-style-type: none"> - Nếu mã đặt phòng hay phòng không hợp lệ hay không tồn tại thì hệ thống thông báo “Mã phòng/Mã đặt phòng không hợp lệ”. - Quay lại bước 1. |

| Tên Use-Case | Lập phiếu đăng ký dịch vụ |
|--------------------|--|
| Mô tả | Use-case cho phép người dùng lập phiếu đăng ký dịch vụ khi có yêu cầu. |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng nhấn button “lập phiếu đăng ký dịch vụ” trên màn hình hệ thống. |
| Actor | Bellman, lễ tân. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Phiếu đăng ký dịch vụ được lập. |
| Use-case liên quan | Include: Tra cứu thông tin đặt phòng. |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng nhập mã dịch vụ, mã khách hàng và số lượng. 2. Người dùng nhấn vào button “Tính tiền” trên hệ thống. 3. Hệ thống tính toán số tiền cần trả và hiển thị lên màn hình hệ thống. 4. Người dùng nhấn vào button “Lập phiếu”. 5. Hệ thống hiển thị thông báo “Lập phiếu đăng ký dịch vụ thành công” |
| Dòng sự kiện phụ | A2: Tại bước 2. <ul style="list-style-type: none"> - Nếu mã dịch vụ/mã khách hàng không hợp lệ thì hệ thống sẽ thông báo “Mã dịch vụ/mã khách hàng” không hợp lệ |

| | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Quay lại bước 1. <p>A4: Tại bước 4.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu như người dùng thay đổi mã dịch vụ hay số lượng, người dùng có thể nhập mã dịch vụ hay số lượng khác. - Quay lại bước 2. |
|--|---|

| Tên Use-Case | Tra cứu dịch vụ |
|--------------------|--|
| Mô tả | Use-case cho phép người dùng lập phiếu đăng ký dịch vụ khi có yêu cầu. |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng nhấn button “lập phiếu đăng ký dịch vụ” trên màn hình hệ thống. |
| Actor | Bellman, lễ tân. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Thông tin dịch vụ được hiển thị lên màn hình hệ thống. |
| Use-case liên quan | Extend: Lập phiếu đăng ký dịch vụ. |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng nhập mã dịch vụ. 2. Người dùng nhấn vào button “Tra cứu” bên cạnh TextBox “mã dịch vụ” trên hệ thống. 3. Hệ thống hiển thị thông tin dịch vụ mà người dùng đăng ký. |
| Dòng sự kiện phụ | <p>A2: Tại bước 2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu mã dịch vụ/mã khách hàng không hợp lệ thì hệ thống sẽ thông báo “Mã dịch vụ/mã khách hàng” không hợp lệ. - Quay lại bước 1. <p>A4: Tại bước 4.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu như người dùng thay đổi mã dịch vụ hay số lượng, người dùng có thể nhập mã dịch vụ hay số lượng khác. - Quay lại bước 2. |

| Tên Use-Case | Lập phiếu đăng ký check-in |
|---------------------|--|
| Mô tả | UseCase cho phép actor lập phiếu check-in cho khách hàng |
| Sự kiện kích hoạt | Khi nhân viên lễ tân bấm chọn lập phiếu check-in |
| Actor | Nhân viên lễ tân (NVLT) |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập hệ thống |
| Hậu điều kiện | Lập phiếu check-in thành công |
| Use-case liên quan | Include: Tra cứu danh sách chương trình khuyến mãi |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng bấm chọn lập form check-in 2. Hệ thống hiển thị form check-in 3. Người dùng điền thông tin 4. Người dùng bấm Hoàn thành form check-in 5. Hệ thống kiểm tra thông tin có trùng thông tin khách hàng nào trước đó không? 6. Nếu thành công, hệ thống thông báo lập phiếu check-in thành công. 7. Kết thúc use-case |
| Dòng sự kiện phụ | <p>A5 – Rẽ nhánh tại bước 5 (Khi thông tin vừa nhập trùng thông tin khách cũ)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống vẫn ở màn hình lập phiếu check-in và thông báo “Khách hàng đã tồn tại” 2. Quay lại bước 3 của luồng sự kiện chính |

| | |
|---------------------------|--|
| Tên Use-Case | Tra cứu danh sách chương trình khuyến mãi |
| Mô tả | UseCase cho phép actor xem các chương trình khuyến mãi |
| Sự kiện kích hoạt | Khi nhân viên lễ tân bấm chọn xem khuyến mãi |
| Actor | Nhân viên lễ tân (NVLT) |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | Hệ thống trả về danh sách chương trình khuyến mãi |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng bấm chọn Tra cứu chương trình khuyến mãi. 2. Hệ thống hiển thị màn hình tra cứu khuyến mãi 3. Người dùng tra cứu khuyến mãi theo mục đích hoặc tra cứu tất cả. 4. Hệ thống hiển thị chương trình khuyến mãi theo yêu cầu. 5. Kết thúc Use-case |
| Dòng sự kiện phụ | A4(Tại bước 4): Nếu không có chương trình khuyến mãi: <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị “Không có chương trình khuyến mãi” 2. Hệ thống vẫn ở giao diện tra cứu chương trình khuyến mãi 3. Thực hiện lại bước 3 của Dòng sự kiện chính. |

| Tên Use-Case | Lập phiếu đăng ký tour du lịch |
|---------------------|--|
| Mô tả | UseCase cho phép actor lập phiếu đăng ký tour du lịch cho khách hàng |
| Sự kiện kích hoạt | Khi NVLT bấm chọn lập phiếu đăng ký tour du lịch |
| Actor | Nhân viên lễ tân (NVLT) |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập hệ thống |
| Hậu điều kiện | Lập phiếu đăng ký tour du lịch thành công |
| Use-case liên quan | Include: Tra cứu danh sách đối tác lữ hành Include: Tra cứu danh sách đặt lịch dịch vụ |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng bấm chọn Lập phiếu đăng ký tour du lịch. 2. Hệ thống hiển thị form đăng ký tour du lịch 3. Người dùng điền thông tin khách hàng 4. Người dùng bấm Hoàn thành phiếu đăng ký 5. Hệ thống thông báo lập phiếu đăng ký tour thành công 6. Kết thúc use-case |
| Dòng sự kiện phụ | A5 – Rẽ nhánh tại bước 5 (Khi thông tin vừa nhập không đầy đủ) <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống vẫn ở màn hình lập phiếu đăng ký tour và thông báo “Thông tin khách hàng chưa nhập đầy đủ” 2. Quay lại bước 3 của luồng sự kiện chính |

| Tên Use-Case | Tra cứu danh sách đặt lịch dịch vụ |
|--------------------|---|
| Mô tả | Nhân viên lễ tân Tra cứu danh sách đặt lịch dịch vụ |
| Sự kiện kích hoạt | Khi NVLT bấm chọn Tra cứu danh sách đặt lịch dịch vụ |
| Actor | Nhân viên lễ tân (NVLT) |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập hệ thống |
| Hậu điều kiện | Hệ thống trả về Danh sách đặt lịch dịch vụ |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng bấm chọn Tra cứu danh sách đặt lịch dịch vụ. 2. Hệ thống hiển thị màn hình tra cứu danh sách đặt lịch dịch vụ. 3. Người dùng nhập thông tin cần tra cứu hoặc tra cứu tất cả. 4. Hệ thống trả ra kết quả. 5. Kết thúc Use-case |
| Dòng sự kiện phụ | A4(Tại bước 4): Nếu không có thông tin thỏa: <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị thông báo “Không có thông tin thỏa điều kiện” 2. Hệ thống vẫn ở giao diện Tra cứu danh sách đặt lịch dịch vụ 3. Thực hiện lại bước 3 ở Dòng sự kiện chính. |

| Tên Use-Case | Tra cứu danh sách đối tác lữ hành |
|--------------------|--|
| Mô tả | Nhân viên lễ tân Tra cứu danh sách đối tác lữ hành |
| Sự kiện kích hoạt | Khi NVLT bấm chọn Tra cứu danh sách đối tác lữ hành |
| Actor | Nhân viên lễ tân (NVLT) |
| Tiền điều kiện | Đăng nhập hệ thống |
| Hậu điều kiện | Hệ thống trả về Danh sách đối tác lữ hành |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng bấm chọn Tra cứu danh sách đối tác lữ hành. 2. Hệ thống hiển thị màn hình Tra cứu danh sách đối tác lữ hành. 3. Người dùng nhập thông tin cần tra cứu hoặc tra cứu tất cả. 4. Người dùng bấm button “Tra cứu”. 5. Hệ thống hiển thị danh sách đối tác phù hợp. 6. Kết thúc Use-case |
| Dòng sự kiện phụ | A4 (Tại bước 4): Nếu không có đối tác lữ hành thỏa: <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị “Không có đối tác lữ hành thỏa” 2. Hệ thống vẫn ở giao diện Tra cứu danh sách đối tác lữ hành 3. Thực hiện lại bước 3 của Dòng sự kiện chính. |

| Tên Use-Case | Lập đơn đặt phòng |
|--------------------|--|
| Mô tả | Trong quá trình tiếp nhận khách hàng, lễ tân có thể tiến hành đặt phòng cho khách hàng bằng cách lập đơn đặt phòng. |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng 'lập đơn đặt phòng' trên màn hình hệ thống. |
| Actor | Lễ tân |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống với vai trò 'lễ tân'. |
| Hậu điều kiện | Người dùng lập đơn đặt phòng thành công. |
| Use-case liên quan | Tra cứu yêu cầu đặt phòng, Tra cứu danh sách khách hàng, Tra cứu danh sách phòng, Tra cứu danh sách đặt phòng, Tra cứu quy định khách sạn, Lập phiếu thanh toán. |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> Hệ thống hiển thị màn hình lập đơn đặt phòng. Người dùng xem thông tin yêu cầu đặt phòng của khách hàng bằng cách chọn 'Tra cứu yêu cầu đặt phòng'. Người dùng chọn 1 yêu cầu đặt phòng. Người dùng xem thông tin khách hàng của yêu cầu đặt phòng vừa chọn bằng cách chọn 'Tra cứu danh sách khách hàng'. Người dùng xem danh sách phòng phù hợp bằng cách chọn 'Tra cứu danh sách phòng'. Người dùng chọn 1 phòng. Người dùng kiểm tra tình trạng đặt phòng của phòng vừa chọn bằng cách chọn 'Tra cứu danh sách đặt phòng'. Người dùng kiểm tra quy định khách sạn bằng cách chọn 'Tra cứu quy định khách sạn'. Người dùng nhập các thông tin đặt phòng vào form. Người dùng nhấn nút 'Lập đơn'. Hệ thống gọi thực hiện use case chức năng 'Lập phiếu thanh toán'. Hệ thống kiểm tra tình trạng thanh toán. Hệ thống thêm thông tin đặt phòng vào CSDL. |

| | |
|------------------|---|
| Dòng sự kiện phụ | <p>A7: Tại bước 7, nếu phòng đã được đặt và chưa check-out:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thông báo phòng đã được đặt và yêu cầu chọn phòng khác. - Quay lại bước 7. <p>A8: Tại bước 8, nếu thông tin đặt phòng không phù hợp quy định khách sạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hiện thông báo khách hàng không đủ điều kiện đặt phòng. - Kết thúc use case chức năng. <p>A12: Tại bước 12, nếu khách hàng không đủ khả năng thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hiện thông báo khách hàng không đủ khả năng thanh toán. - Kết thúc use case chức năng. |
|------------------|---|

| Tên Use-Case | Tra cứu yêu cầu đặt phòng |
|--------------------|--|
| Mô tả | Trong quá trình tiếp nhận đặt phòng, lễ tân có thể tìm kiếm yêu cầu đặt phòng của khách hàng. |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng 'Tra cứu yêu cầu đặt phòng' trên màn hình hệ thống. |
| Actor | Lễ tân. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống với vai trò 'lễ tân' và bắt đầu thực hiện lập đơn đặt phòng/lập phiếu đăng ký check-in. |
| Hậu điều kiện | Thông tin yêu cầu đặt phòng được hiển thị thành công lên màn hình hệ thống. |
| Use-case liên quan | Không có. |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách toàn bộ yêu cầu đặt phòng. 2. Người dùng nhập mã yêu cầu/mã khách hàng. 3. Người dùng nhấn nút 'Tìm kiếm'. 4. Hệ thống kiểm tra mã yêu cầu/mã khách hàng đã tồn tại. 5. Hệ thống hiển thị thông tin yêu cầu đặt phòng mà người dùng tìm kiếm. |
| Dòng sự kiện phụ | A4: Tại bước 4, nếu mã yêu cầu/mã khách hàng không tồn tại: |

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hiện thông báo mã yêu cầu/mã khách hàng không tồn tại.s - Quay lại bước 2. |
|--|--|

| Tên Use-Case | Tra cứu danh sách khách hàng |
|--------------------|--|
| Mô tả | Trong quá trình tiếp nhận đặt phòng, lễ tân có thể tìm kiếm thông tin của khách hàng. |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng 'Tra cứu danh sách khách hàng' trên màn hình hệ thống. |
| Actor | Lễ tân. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống với vai trò 'lễ tân', thực hiện lập đơn đặt phòng và đã chọn 1 yêu cầu đặt phòng cần xem thông tin khách hàng. |
| Hậu điều kiện | Thông tin khách hàng được hiển thị thành công lên màn hình hệ thống. |
| Use-case liên quan | Không có. |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách toàn bộ khách hàng. 2. Người dùng nhập mã khách hàng. 3. Người dùng nhấn nút 'Tìm kiếm'. 4. Hệ thống kiểm tra mã khách hàng đã tồn tại. 5. Hệ thống hiển thị thông tin khách hàng mà người dùng tìm kiếm. |
| Dòng sự kiện phụ | A4: Tại bước 4, nếu mã khách hàng không tồn tại: <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hiện thông báo mã khách hàng không tồn tại. - Quay lại bước 2. |

| Tên Use-Case | Tra cứu danh sách đặt phòng |
|-------------------|---|
| Mô tả | Lễ tân/Bellman có thể tìm kiếm thông tin của khách hàng. |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng 'Tra cứu danh sách đặt phòng' trên màn hình hệ thống. |
| Actor | Lễ tân, Bellman. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống với vai trò 'lễ tân'/'Bellman'. |
| Hậu điều kiện | Thông tin danh sách đặt phòng được hiển thị thành công lên |

| | |
|--------------------|---|
| | màn hình hệ thống. |
| Use-case liên quan | Tra cứu thông tin đặt phòng. |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách toàn bộ thông tin đặt phòng. 2. Người dùng nhập mã phòng. 3. Người dùng nhấn nút 'Tìm kiếm'. 4. Hệ thống kiểm tra mã phòng đã tồn tại. 5. Hệ thống hiển thị danh sách đặt phòng của mã phòng mà người dùng tìm kiếm. |
| Dòng sự kiện phụ | <p>A2: Tại bước 2, nếu người dùng muốn xem một thông tin đặt phòng cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dùng chọn 'Tra cứu thông tin đặt phòng'. - Kết thúc use case chức năng. <p>A4: Tại bước 4, nếu phòng không tồn tại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hiện thông báo mã phòng không tồn tại. - Quay lại bước 2. |

| Tên Use-Case | Tra cứu quy định khách sạn |
|--------------------|--|
| Mô tả | Lễ tân/Bellman có thể xem quy định của khách sạn. |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng 'Tra cứu quy định khách sạn' trên màn hình hệ thống. |
| Actor | Lễ tân, Bellman. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống với vai trò 'lễ tân'/'Bellman'. |
| Hậu điều kiện | Thông tin quy định khách sạn được hiển thị thành công lên màn hình hệ thống. |
| Use-case liên quan | Không có. |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh mục các loại quy định. 2. Người dùng chọn loại quy định phù hợp. 3. Hệ thống hiển thị danh sách các quy định của khách sạn theo loại mà người dùng chọn. |
| Dòng sự kiện phụ | Không có. |

| Tên Use-Case | Đánh giá dịch vụ |
|--------------|------------------|
|--------------|------------------|

| | |
|--------------------|---|
| Mô tả | Khách hàng có thể đánh giá dịch vụ của khách sạn |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng “Đánh giá dịch vụ” |
| Actor | Khách hàng |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống với vai trò ‘Khách hàng’. |
| Hậu điều kiện | Đánh giá của khách hàng được lưu xuống database và hiển thị trên màn hình của nhân viên. |
| Use-case liên quan | Không có. |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách các dịch vụ của khách sạn 2. Người dùng lựa chọn dịch vụ cần đánh giá 3. Người dùng viết đánh giá về dịch vụ 4. Người dùng nhấn nút ‘Lưu’ để lưu đánh giá của mình 5. Hệ thống kiểm tra nội dung đánh giá 6. Hệ thống thông báo kết quả đánh giá đến người dùng |
| Dòng sự kiện phụ | <p>A2: Tại bước 2, nếu người dùng chưa sử dụng dịch vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống sẽ báo lỗi ‘Chỉ được đánh giá những dịch vụ đã sử dụng’ - Hệ thống hiển thị lại danh sách dịch vụ cho người dùng chọn <p>A5: Tại bước 5, nếu nội dung đánh giá không hợp lệ như vượt quá số từ quy định (200 từ) hoặc chứa từ ngữ nhạy cảm, xúc phạm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thông báo ‘Đánh giá không hợp lệ’ và lý do đến người dùng. |

| Tên Use-Case | Lập phiếu checkout |
|--------------------|---|
| Mô tả | Lễ tân lập phiếu checkout cho khách hàng |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng “Lập phiếu checkout” |
| Actor | Nhân viên lễ tân |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống với vai trò ‘Nhân viên lễ tân’. |
| Hậu điều kiện | Lập phiếu checkout thành công |
| Use-case liên quan | Tra cứu danh sách đặt lịch dịch vụ, lập phiếu thanh toán |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách các phòng đang được sử dụng tại khách sạn 2. Người dùng chọn phòng cần lập phiếu checkout |

| | |
|------------------|---|
| | <p>3. Hệ thống sẽ lập phiếu checkout gồm các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình trạng phòng (hỏng hóc, mất mát) - Danh sách dịch vụ khách hàng đã sử dụng, chi tiết các dịch vụ đó - Danh sách đồ uống khách sử dụng trong minibar <p>4. Hệ thống hiển thị phiếu checkout lên màn hình</p> |
| Dòng sự kiện phụ | <p>A4: Tại bước 4, nếu thông tin không chính xác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dùng hủy phiếu và liên hệ các bộ phận khác cập nhật hoặc xác nhận lại thông tin - Quay lại bước 2 để lập phiếu checkout khác |

| Tên Use-Case | Tra cứu danh sách taxi |
|--------------------|--|
| Mô tả | Lễ tân xem danh sách taxi liên kết với khách sạn |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng “Danh sách taxi” |
| Actor | Nhân viên lễ tân |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống với vai trò ‘Nhân viên lễ tân’. Khách hàng có nhu cầu gọi xe taxi |
| Hậu điều kiện | Tra cứu danh sách xe taxi thành công |
| Use-case liên quan | Không có |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách các hãng xe taxi đã liên kết với khách sạn 2. Người dùng chọn một hãng xe để xem chi tiết 3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết về hãng xe người dùng đã chọn |
| Dòng sự kiện phụ | <p>A3: Tại bước 3, nếu người dùng muốn xem thông tin về hãng xe khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dùng chọn nút “Close” - Quay lại bước 1 |

| Tên Use-Case | Lập phiếu thanh toán |
|-------------------|--|
| Mô tả | Lễ tân lập phiếu thanh toán cho khách hàng |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng “Lập phiếu thanh toán” |

| | |
|--------------------|--|
| Actor | Nhân viên lễ tân |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống với vai trò 'Nhân viên lễ tân'. Khách hàng đồng ý với các thông tin trên phiếu checkout |
| Hậu điều kiện | Lập phiếu thanh toán thành công |
| Use-case liên quan | Lập phiếu checkout |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị hóa đơn thanh toán 2. Hệ thống hiển thị các phương thức thanh toán 3. Người dùng chọn phương thức thanh toán của khách hàng 4. Hệ thống hiển thị trạng thái thanh toán 5. Hệ thống lưu phiếu thanh toán xuống database |
| Dòng sự kiện phụ | <p>A1: Tại bước 1, nếu khách hàng không đồng ý với hóa đơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện lại use case 'Lập phiếu checkout' và xác nhận lại với khách hàng - Thực hiện lại use case 'Lập phiếu thanh toán' <p>A4: Tại bước 4, nếu hệ thống hiển thị thông báo 'Thanh toán không thành công':</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quay lại bước 3. |

| Tên Use-Case | Xem phiếu thanh toán |
|--------------------|---|
| Mô tả | Lễ tân có thể xem thông tin các phiếu thanh toán |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng "Xem phiếu thanh toán" |
| Actor | Nhân viên lễ tân |
| Tiền điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống với vai trò 'Nhân viên lễ tân'. |
| Hậu điều kiện | Xem phiếu thanh toán thành công |
| Use-case liên quan | Lập phiếu thanh toán |
| Dòng sự kiện chính | <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị danh sách các phiếu thanh toán 2. Người dùng có thể sắp xếp các phiếu thanh toán theo tổng hóa đơn, ngày checkin, ngày checkout, ... 3. Hệ thống hiển thị danh sách phiếu thanh toán đã sắp xếp 4. Người dùng có thể tìm kiếm hóa đơn bằng cách nhập số phòng, mã khách hàng, mã hóa đơn vào ô 'Tìm kiếm' |

| | |
|------------------|---|
| | <p>5. Hệ thống hiển thị các phiếu thanh toán phù hợp</p> <p>6. Người dùng chọn vào phiếu thanh toán để xem chi tiết</p> <p>7. Hệ thống hiển thị chi tiếp phiếu thanh toán</p> |
| Dòng sự kiện phụ | <p>A5: Tại bước 5, nếu không có phiếu thanh toán phù hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thông báo nguyên nhân: 'Số phòng không hợp lệ', 'Mã khách hàng không tồn tại', 'Mã thanh toán không tồn tại' <p>A7: Tại bước 7, nếu người dùng muốn xem phiếu thanh toán khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhấn nút 'Close' - Quay lại bước 2 |